

Số: **4243**/TB-SGDĐT

Hà Nội, ngày **17** tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Danh sách trúng tuyển vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Đặng Trần Đức năm học 2026-2027

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027;

Căn cứ các văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội: Công văn số 1166/SGDĐT-QLT ngày 25/3/2026 về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027; Quyết định số 2606/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 về việc Duyệt điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2026-2027; Quyết định số 2692/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2026 về việc Duyệt điểm chuẩn trúng tuyển bổ sung vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2026-2027; Thông báo số 4095/SGDĐT-QLT ngày 10/8/2026 về việc tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Đặng Trần Đức năm học 2026-2027;

Căn cứ danh sách đăng ký xét tuyển và đề xuất của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Đặng Trần Đức tại Tờ trình số 03/TTr-THPĐTĐ ngày 17/8/2026;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 17/8/2026 của Hội đồng thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 của Trường THPT Đặng Trần Đức (theo danh sách đính kèm).

Học sinh trúng tuyển nộp hồ sơ nhập học tại Trường THPT Đặng Trần Đức từ **8h00 ngày 18/8/2026 đến 17h00 ngày 22/8/2026** (trong giờ hành chính).

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Đặng Trần Đức thông báo công khai danh sách học sinh trúng tuyển và tổ chức tiếp nhận hồ sơ nhập học của học sinh trúng tuyển theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Ngành;
- Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Đặng Trần Đức;
- Lưu: VT, QLT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẶNG TRẦN ĐỨC
(Kèm theo Thông báo số **4243/TB-SGDDT** ngày 17/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
1	0169379230	179236	MAI UYÊN NGÂN	16/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giảng Võ	9A4	24.50	
2	0118442184	175769	DƯƠNG KHÁNH CHI	25/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Archimedes Academy	9A4	23.75	
3	0132607503	138288	HÀ ĐÌNH QUANG	31/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Cổ Nhuế 2	9A13	23.25	
4	0169052826	060146	TÔ NGỌC DIỆP	19/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A4	23.25	
5	0100810771	061470	HOÀNG YÊN KHÁNH	20/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Kim Giang	9TD	23.00	
6	0117803613	090591	NGUYỄN ĐAN LINH	18/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9N	23.00	
7	0117804926	091261	NGUYỄN ANH QUÂN	27/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9A	23.00	
8	0118228762	093154	LẠI TUẤN LONG	09/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A5	23.00	
9	0131904612	018333	TRẦN MINH HIẾU	11/02/2011	Nam	Hồ Chí Minh	THCS Yên Hòa	9A7	23.00	
10	0117779475	103235	VŨ GIA BẢO	26/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9E	22.83	
11	0117802210	092196	LƯƠNG NGỌC BẢO	30/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trần Phú	9E	22.75	
12	0118070447	019239	LÊ MINH THƯ	23/01/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Xuân La	9A4	22.75	
13	0118247280	094025	LÊ AN PHƯƠNG	07/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trưng Vương	9A3	22.75	
14	0118492382	060685	TRỊNH HOÀNG GIA LINH	15/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9N	22.75	
15	0118514336	014187	HOA QUỲNH CHI	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Cổ Nhuế 2	9A8	22.75	
16	0169195919	092384	NGUYỄN NGUYỆT HÀ	14/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9C	22.75	
17	0169273563	063153	NGUYỄN LINH CHI	01/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A5	22.75	
18	4017883330	093087	DƯƠNG TUYẾT LINH	28/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A5	22.75	
19	0117058471	182691	NGUYỄN GIA LINH	25/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tứ Liên	9A	22.50	
20	0117737198	060034	HOÀNG PHƯƠNG ANH	27/02/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Bé Văn Đàn	9T2	22.50	
21	0117830739	003087	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	20/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quảng An	9D	22.50	
22	0118235077	003080	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	21/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nghĩa Tân	9A12	22.50	
23	0118441071	029331	NGUYỄN VĂN KHÁNH	29/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Quý Đôn	9A9	22.50	
24	0118497185	091325	NGUYỄN MINH THUY	17/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9A3	22.50	
25	0117732830	179573	TRẦN TUỆ PHONG	04/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A2	22.25	
26	0117765237	088270	PHẠM QUỲNH CHI	21/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A5	22.25	
27	0117779546	104691	ĐOÀN DƯƠNG NGỌC TRANG	20/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9D	22.25	
28	0117803027	093330	CHU LÊ LINH NHI	10/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9K	22.25	
29	0117805675	089117	CHU PHÚC NGUYỄN	30/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Liệt	9A2	22.25	
30	0117806147	093040	TRẦN CAO KHOA	26/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9T	22.25	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trưởng THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
31	0117973465	094289	NGUYỄN PHƯƠNG VY	14/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A5	22.25	
32	0118001141	093076	VŨ TÙNG LÂM	21/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A10	22.25	
33	0118023598	060031	HOÀNG MINH ANH	21/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A4	22.25	
34	0118025588	088263	NGUYỄN DIỆP CHI	25/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A1	22.25	
35	0118139217	003486	NGUYỄN NGỌC MINH KHÔI	27/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9A10	22.25	
36	0118200464	062418	LƯƠNG NGỌC TÙNG	20/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A3	22.25	
37	0118437499	092243	LÊ MAI CHI	23/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A10	22.25	
38	0169519995	105572	NGUYỄN ĐĂNG HẢI NAM	05/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A2	22.25	
39	0169999029	093285	VŨ KHÁNH NGÂN	30/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A8	22.25	
40	3570109578	091225	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	28/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS&THPT Marie Curie	9G2	22.25	
41	0117062151	108340	NINH THU GIANG	14/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A6	22.00	
42	0117095402	091259	ĐOÀN MINH QUÂN	26/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Phong Sắc	9A2	22.00	
43	0117745573	104734	TỬ ANH TUẤN	29/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trưng Vương	9M	22.00	
44	0117783335	062200	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	02/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A10	22.00	
45	0117930122	064271	NGUYỄN QUẢNG TÙNG	24/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Khương Mai	9A1	22.00	
46	0117972382	094264	TRƯỜNG HOÀNG VIỆT	21/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A4	22.00	
47	0117979950	103276	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG CHI	17/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A8	22.00	
48	0117986122	093279	NGUYỄN BÍCH NGÂN	29/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Minh Khai	9A4	22.00	
49	0118176353	092378	NGHIÊM THU HÀ	22/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàn Kiếm	9A	22.00	
50	0118230052	182136	PHẠM LÊ ANH	12/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9A	22.00	
51	0118453940	094078	ĐỒNG THẢO QUYỀN	22/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9T2	22.00	
52	0118469204	108009	HÀ KHÁNH AN	16/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A1	22.00	
53	0125090092	108360	TRẦN NGỌC HÀ	08/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Chương Dương	9A6	22.00	
54	0131193022	092087	NGUYỄN HÀ ANH	19/05/2011	Nữ	Hưng Yên	THCS Trần Phú	9E	22.00	
55	0134330742	088237	ĐINH TẠ MINH CHÂU	22/11/2011	Nam	Hà Nam	THCS Quỳnh Mai	9B	22.00	
56	0148448441	104612	ĐINH ĐỨC SƠN	07/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trưng Vương	9H1	22.00	
57	0170221235	183091	TRẦN NGỌC MINH	15/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nghĩa Tân	9A13	22.00	
58	0817095311	088538	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	16/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9M	22.00	
59	0829532162	109302	NÔNG MẠNH QUÂN	10/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A4	22.00	
60	0117745724	179084	ÀU BÁ MỘC	05/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trưng Vương	9H2	21.75	
61	0117771670	094103	PHAN BÁ TÂN	24/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	21.75	
62	0117822804	003079	NGUYỄN LÂM ANH	24/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phan Chu Trinh	9A1	21.75	
63	0117832115	062168	PHẠM TUẤN NGỌC	12/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A1	21.75	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
64	0117876282	080754	TRẦN XUÂN MINH VŨ	02/01/2011	Nam	Hồ Chí Minh	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A2	21.75	
65	0117893566	024804	PHẠM HOÀNG LAM	10/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trương Công Giai	9A5	21.75	
66	0117986176	092012	NGUYỄN LIÊU TÚ AN	21/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A5	21.75	
67	0118043584	089171	NGUYỄN HUY PHONG	09/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9B	21.75	
68	0118075584	064129	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	09/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A5	21.75	
69	0118082204	089144	NGUYỄN AN NHI	25/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9A	21.75	
70	0118118333	001248	NGUYỄN NGỌC DIỆP	28/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giảng Võ 2	9A3	21.75	
71	0118468669	103251	TẠ BẢO MINH CHÁU	12/08/2011	Nữ	Hải Dương	THCS Bế Văn Đàn	9NK1	21.75	
72	0129800491	182616	ĐẶNG ANH KHOA	25/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Xuân La	9A4	21.75	
73	0134055376	058077	NGUYỄN HÀ TRÚC ANH	03/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A2	21.75	
74	0142975341	088506	VŨ ĐỨC HUY	30/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A8	21.75	
75	0169634804	088564	LÊ BẢO KHÁNH	16/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9G	21.75	
76	3017864210	003405	ĐINH THỌ CHÁN HƯNG	01/08/2011	Nam	Hải Dương	THCS Ba Đình	9A5	21.75	
77	4018438625	180489	TRẦN NGỌC BẢO TRÂM	05/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Quý Đôn	9A1	21.75	
78	0117095307	088146	NGUYỄN VIỆT ANH	25/02/2011	Nam	Hà Nội	TH-THCS-THPT Everest	9E1	21.50	
79	0117760560	103238	TRẦN NGỌC BÍCH	29/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A7	21.50	
80	0117761051	105704	ĐỖ QUYỀN	30/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A8	21.50	
81	0117867596	105105	TRẦN VIỆT ANH	08/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A8	21.50	
82	0117907576	092351	ĐÀO VĂN MINH ĐỨC	09/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A11	21.50	
83	0117970933	061010	HOÀNG NGUYỄN BẢO AN	12/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giảng Võ 2	9A3	21.50	
84	0118000670	089447	NGUYỄN KHÁNH VY	01/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A3	21.50	
85	0118049991	093023	NGUYỄN TRẦN BẢO KHÁNH	18/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9E	21.50	
86	0118141119	058487	NGUYỄN TUẤN KIẾT	06/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Trường Tộ	9A9	21.50	
87	0118188233	137171	TRƯƠNG GIA BẢO	07/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Dịch	9A5	21.50	
88	0118234352	063239	NGUYỄN BẢO ĐỨC	08/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A3	21.50	
89	0118427097	107381	TRẦN PHÚC THỦY TIỀN	09/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A7	21.50	
90	0118455980	109460	NGUYỄN AN TÙNG	05/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9T	21.50	
91	0132244134	005340	ĐỖ ANH KHOA	31/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9A4	21.50	
92	0141637569	079484	NGUYỄN LÊ DIỄM QUỲNH	07/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Lợi	9A1	21.50	
93	0141843053	062207	PHẠM YẾN NHI	21/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bế Văn Đàn	9A3	21.50	
94	0169076708	093286	ĐỖ BÁ NGHIỆP	05/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chương Dương	9A4	21.50	
95	0169232435	062278	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	24/11/2011	Nam	Bắc Ninh	THCS Định Công	9C	21.50	
96	0169380080	004170	NGUYỄN NAM	19/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đông Thái	9A4	21.50	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
97	0169634653	106534	KIỀU DIỆU HƯƠNG	02/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9C	21.50	
98	0170601342	092493	LÊ DUY HÙNG	14/02/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A1	21.50	
99	2518431182	088410	TRẦN MẠNH HẢI	12/10/2011	Nam	Phủ Thọ	THCS Chương Dương	9A1	21.50	
100	0117760461	108180	VƯƠNG GIA BẢO	03/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A5	21.25	
101	0117764351	106513	DƯƠNG TUẤN HÙNG	08/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A3	21.25	
102	0117765210	089316	MAI CHÍ TOÀN	08/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A9	21.25	
103	0117905215	108053	HOÀNG THUY ANH	30/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A2	21.25	
104	0117967389	093345	NGUYỄN LINH NHI	15/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hai Bà Trưng	9A2	21.25	
105	0117987224	106698	VŨ THUY LINH	09/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9A	21.25	
106	0118001189	060281	VŨ HÀ KHANH	21/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A1	21.25	
107	0118003309	088192	NGHIÊM GIA BÁCH	15/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS HÀ HUY TẬP	9A3	21.25	
108	0118024207	094051	TRẦN THU PHƯƠNG	03/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tây Sơn	9A4	21.25	
109	0118043691	089299	NGUYỄN MINH THƯ	17/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9C	21.25	
110	0118106211	207367	NGUYỄN THANH TRÚC	18/11/2011	Nữ	Lạng Sơn	THCS Thanh Xuân Nam	9A0	21.25	
111	0118139214	179597	NGUYỄN CÔNG BẢO PHÚC	10/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Xuân Đình	9A8	21.25	
112	0118200361	181394	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	09/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A1	21.25	
113	0118201003	092238	HÀ LAN CHI	05/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A6	21.25	
114	0118448816	089213	LÊ ĐĂNG QUANG	20/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A6	21.25	
115	0128495803	107278	LÊ HƯƠNG QUỲNH	29/08/2011	Nữ	Nam Định	THCS Mai Động	9A3	21.25	
116	0133151017	024631	NGUYỄN THÀNH VINH	18/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A7	21.25	
117	0169031859	092286	LÊ NHẬT DUY	06/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A9	21.25	
118	0169104395	106186	TRẦN KHẮC BÌNH	22/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A1	21.25	
119	0169245200	059275	VŨ NGUYỄN THANH TRÚC	08/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A6	21.25	
120	0169736165	105124	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	22/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9D	21.25	
121	1103362715	106151	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	01/08/2011	Nam	Yên Bái	THCS Thanh Trì	9A4	21.25	
122	3317764376	093257	LÊ NHẬT NAM	02/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A3	21.25	
123	3417760589	019135	BÙI MAI PHƯƠNG	28/05/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Xuân La	9A6	21.25	
124	3817802988	110628	TRỊNH ĐĂNG BẢO MINH	09/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Đình	9T	21.25	
125	0117279439	093250	VŨ TRÀ MỸ	19/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trần Phú	9A	21.00	
126	0117733001	001657	ĐẶNG HOÀNG MINH	31/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A5	21.00	
127	0117760514	107252	TRẦN HỒNG QUANG	11/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	21.00	
128	0117764601	090211	TRẦN ĐỨC CUÔNG	12/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A6	21.00	
129	0117781297	062246	NGUYỄN PHAN VINH PHÚC	25/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A5	21.00	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
130	0117788660	179500	ĐẶNG ĐỨC PHÁT	30/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9A3	21.00	
131	0117801429	108494	ĐỖ DUY KHOA	08/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	21.00	
132	0117881949	103428	ĐÀM PHƯƠNG HÀ	11/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Dịch Vọng	9A9	21.00	
133	0117968063	089403	NGUYỄN THANH VÂN	30/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàn Kiếm	9B	21.00	
134	0118025563	093169	NGUYỄN PHƯƠNG MẠI	07/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A3	21.00	
135	0118047782	176182	NGUYỄN MINH DŨNG	02/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9D	21.00	
136	0118141376	063587	LÊ TUẤN MINH	25/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A2	21.00	
137	0118235387	059348	TRINH BẢO VY	17/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A4	21.00	
138	0118419920	088641	NGUYỄN ĐIỀU LINH	16/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	21.00	
139	0118434404	108568	NGUYỄN HOÀNG LINH	23/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trưng Nhị	9A4	21.00	
140	0118453813	094011	NGUYỄN GIA PHÚC	30/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A6	21.00	
141	0118496529	094254	HOÀNG NGỌC VÂN	10/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trưng Nhị	9A4	21.00	
142	0131192845	107207	VƯƠNG HẢI PHONG	08/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A11	21.00	
143	0131565134	003376	LÊ QUANG HUY	25/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ba Đình	9A5	21.00	
144	0132587448	004400	NGUYỄN THANH TÙNG	20/08/2011	Nam	Điện Biên	THCS Thành Công	9A9	21.00	
145	0140808754	063240	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	11/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A3	21.00	
146	0142078414	058400	VŨ QUANG HUY	15/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Cát Linh	9A3	21.00	
147	0142162616	106661	NGUYỄN KHÁNH LINH	31/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A4	21.00	
148	0149097849	093364	NGUYỄN TRANG NHUNG	11/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Minh Khai	9A4	21.00	
149	0169020859	110506	TRẦN NGUYỄN LÂM	18/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS & THPT Quốc tế Thăng Long	9A3	21.00	
150	0169112243	108272	NGÔ THUY DƯƠNG	27/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	21.00	
151	0169191032	092128	NGUYỄN VŨ PHAN ANH	15/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A5	21.00	
152	0169380123	183415	LÝ THU TRANG	05/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Thái	9A5	21.00	
153	0169391243	058390	NGUYỄN PHAN GIA HUY	15/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A1	21.00	
154	2218135489	180354	ĐÀM ANH THƯ	29/06/2011	Nữ	Quảng Ninh	THCS Tân Thời Đại	9A	21.00	
155	2517708113	058450	NGUYỄN NAM KHÁNH	13/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A8	21.00	
156	3161691549	209154	PHẠM ĐOÀN HẢI NAM	14/01/2011	Nam	Nam Định	THCS Đại Kim	9A12	21.00	
157	3417761256	107159	VŨ MINH NGUYỆT	25/03/2011	Nữ	Hưng Yên	THCS Lĩnh Nam	9A3	21.00	
158	3418079917	064183	BÙI PHƯƠNG THẢO	19/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thịnh Quang	9A2	21.00	
159	3618108630	081639	PHẠM ĐỨC NGỌC	08/03/2011	Nam	Nam Định	THCS Văn Yên	9A4	21.00	
160	3669242580	178423	NGUYỄN QUỲNH MẠI	27/10/2011	Nữ	Ninh Bình	THCS Tứ Liên	9C	21.00	
161	3775849289	108263	VŨ PHẠM ĐỨC DŨNG	23/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tam Khương	9A3	21.00	
162	0117095226	088051	ĐÌNH NAM ANH	21/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Phong Sắc	9A2	20.75	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
163	0117721242	089220	PHAM MINH QUANG	17/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Vương	9H2	20.75	
164	0117735956	109370	HOÀNG ANH THỨ	28/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS HÀ HUY TẬP	9A6	20.75	
165	0117760490	106105	NGUYỄN TRẦN TÙNG ANH	18/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	20.75	
166	0117760569	093246	PHẠM NGUYỄN THẢO MY	03/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A5	20.75	
167	0117765132	107299	ĐỖ THÁI SƠN	10/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A6	20.75	
168	0117765409	106025	TRẦN BẢO AN	21/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A4	20.75	
169	0117779607	093181	DƯƠNG QUANG MINH	01/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A10	20.75	
170	0117781947	107137	PHÙNG BẢO NGỌC	01/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phương Liệt	9A1	20.75	
171	0117793320	058115	PHẠM CHÂU ANH	01/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giảng Võ	9A10	20.75	
172	0117820582	062006	TRẦN BẢO LINH	04/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A12	20.75	
173	0117823161	002329	LƯƠNG KHÁNH VI	07/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thành Công	9A2	20.75	
174	0117834785	108174	NGUYỄN GIA BẢO	19/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A4	20.75	
175	0117863347	001667	LÊ BÌNH MINH	02/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ba Đình	9A6	20.75	
176	0117874357	109502	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	19/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đền Lừ	9B	20.75	
177	0117878965	088347	HOÀNG HẢI ĐĂNG	24/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	20.75	
178	0117883567	107124	MAI ĐỨC NGỌC	13/02/2011	Nam	Nam Định	THCS Lĩnh Nam	9A5	20.75	
179	0117986369	088439	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	08/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9A	20.75	
180	0118022451	029526	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	05/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trần Duy Hưng	9A1	20.75	
181	0118043832	092360	TRỊNH MINH ĐỨC	30/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A4	20.75	
182	0118082025	088673	LÊ THÀNH LONG	27/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A4	20.75	
183	0118100272	209307	VŨ PHAN QUANG	20/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Hòa	9A6	20.75	
184	0118200416	058305	ĐÀO QUANG TRƯỜNG GIANG	26/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A5	20.75	
185	0118434412	106077	NGUYỄN HÀ ANH	03/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vân Hồ	9A1	20.75	
186	0118438160	088349	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	03/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A8	20.75	
187	0118453285	108182	LƯU NGỌC BÍCH	10/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9I	20.75	
188	0118464123	088184	NGUYỄN NGUYỆT ANH	18/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A5	20.75	
189	0118468783	065793	BÙI QUỐC GIA VINH	17/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Giảng Võ	9A8	20.75	
190	0128477267	108408	NGUYỄN MINH HIỀN	03/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	20.75	
191	0133265365	107374	TẠ NGUYỄN MINH THU'	06/06/2011	Nữ	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A3	20.75	
192	0133302082	183514	LÊ BẢO UYÊN	15/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS An Dương	9A4	20.75	
193	0140494621	106004	ĐINH TRẦN QUỐC AN	20/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A3	20.75	
194	0169073416	105147	HOÀNG LÊ BẢO CHÂU	28/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngọc Lâm	9A1	20.75	
195	0169131365	106523	NGUYỄN CHÂN HƯNG	09/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A2	20.75	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
196	0169145547	065235	PHẠM LINH ĐAN	18/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trường Tộ	9A7	20.75	
197	0169189802	063405	ĐÌNH AN KHÁNH	18/01/2011	Nữ	Nghệ An	THCS Thanh Xuân Nam	9A4	20.75	
198	0169195932	088403	VŨ KHÁNH HÀ	28/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9E	20.75	
199	0169205760	107178	PHẠM YẾN NHI	02/08/2011	Nữ	Thanh Hóa	THCS Tô Hoàng	9D	20.75	
200	0169228849	109059	KIỆU BÌNH MINH	22/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A4	20.75	
201	0169326424	001555	VŨ TRUNG KIẾN	21/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nghĩa Tân	9A13	20.75	
202	0169634801	106300	NGÔ TUẤN ĐẠT	17/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9G	20.75	
203	0170231674	092089	NGUYỄN HÀ ANH	09/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A1 Anh	20.75	
204	0170619703	103351	NGUYỄN MINH DƯƠNG	09/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Minh Khai	9A4	20.75	
205	3517967369	089106	LÀ BẢO NGỌC	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hai Bà Trưng	9A2	20.75	
206	3637893320	106193	LÊ THỊ BẢO CHÁU	05/09/2011	Nữ	Hồ Chí Minh	THCS Vĩnh Tuy	9H	20.75	
207	3817760775	106062	LÊ TRÂM ANH	15/05/2011	Nữ	Thanh Hóa	THCS Thanh Trì	9A4	20.75	
208	0117062745	106650	NGHIÊM PHƯƠNG LINH	20/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Long Biên	9A2	20.50	
209	0117735964	003064	NGUYỄN CHÂU ANH	05/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9T2	20.50	
210	0117736909	065019	VŨ NGUYỄN KHÁNH AN	18/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9V1	20.50	
211	0117753828	208530	BÙI TRÚC LINH	25/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quang Trung	9G2	20.50	
212	0117760654	108117	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	08/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A6	20.50	
213	0117761171	107510	DƯƠNG VŨ	18/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A2	20.50	
214	0117805649	088112	NGUYỄN KIỀU MỸ ANH	15/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9B	20.50	
215	0117805659	106343	QUÁCH QUÝ ĐỨC	01/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9Q	20.50	
216	0117863300	109031	PHẠM QUANG LONG	23/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A8	20.50	
217	0117882894	106694	VÕ TRẦN HÀ LINH	21/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A8	20.50	
218	0117904838	109398	ĐÌNH THAI BẢO TRANG	13/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Giáp Bát	9A2	20.50	
219	0117921837	094054	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A5	20.50	
220	0117968264	092470	TRẦN QUANG HUY	03/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9D	20.50	
221	0117986198	089031	NGUYỄN GIA MINH	16/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9D	20.50	
222	0117986642	091378	PHẠM ĐỨC TRÍ	01/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9G	20.50	
223	0118001164	065634	VŨ BẢO PHÚC	26/07/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A2	20.50	
224	0118051099	107546	NGUYỄN MINH YẾN	25/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.50	
225	0118052585	088686	ĐÌNH PHƯƠNG MAI	09/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9A	20.50	
226	0118061026	001440	NGUYỄN XUÂN ĐỨC HUY	25/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Huy Văn	9A	20.50	
227	0118216005	209512	LÊ DUY VŨ	05/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A3	20.50	
228	0118229437	106161	NGUYỄN CHÍ BẢO	19/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A4	20.50	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
229	0118423799	092166	VŨ DIỆP ANH	02/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	20.50	
230	0118454304	103003	ĐẶNG KHÁNH AN	31/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A2	20.50	
231	0128832011	107345	TRƯƠNG THẢO THẢO	11/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trần Phú	9E	20.50	
232	0129760957	062480	NGUYỄN LÊ VY	19/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A5	20.50	
233	0130358088	110019	VŨ PHẠM HAI AN	17/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Khương Đình	9A8	20.50	
234	0131605205	065768	NGUYỄN THANH TÙNG	07/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Xuân Nam	9A3	20.50	
235	0131623049	081843	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	21/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Kiến Hưng	9A1	20.50	
236	0134565170	058482	TỔNG NGUYỄN KIẾN	24/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9A1	20.50	
237	0142449961	181011	TRẦN ĐỨC TRÍ	23/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Lợi	9A4	20.50	
238	0169031850	106113	PHAN MINH ANH	11/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A4	20.50	
239	0169143370	094288	NGUYỄN NGỌC KIỀU VY	23/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS và THPT Tạ Quang Bửu	9C2	20.50	
240	0169145909	137085	NGUYỄN MINH ANH	16/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Cầu Giấy	9A1	20.50	
241	0169159683	175320	NGUYỄN MAI ANH	29/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS và THPT Tạ Quang Bửu	9C2	20.50	
242	0169195931	106317	PHẠM HẢI ĐĂNG	27/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9D	20.50	
243	0169232878	107428	NGUYỄN THÀNH TRUNG	30/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A9	20.50	
244	0169242716	088178	BÙI MINH ANH	08/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A4	20.50	
245	0169242864	065420	PHAN KHOA LÂM	18/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A4	20.50	
246	0169245169	107312	VŨ ĐỨC ANH TÀI	28/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A4	20.50	
247	0169284033	081800	LÊ MINH THỨ	24/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mỗ Lao	9A3	20.50	
248	0169295950	107417	NGUYỄN BAO TRẦN	02/12/2010	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.50	
249	0169391244	208399	THẠCH GIA HUY	13/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A4	20.50	
250	0170601312	106150	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	11/10/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A2	20.50	
251	0817834939	109288	TRẦN NGUYỄN BẢO PHƯƠNG	16/09/2011	Nữ	Tuyên Quang	THCS Yên Sở	9A4	20.50	
252	0818519302	029667	HOÀNG THANH TÙNG	14/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trần Duy Hưng	9A1	20.50	
253	3517760545	106701	NGÔ THÀNH LONG	23/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A8	20.50	
254	3618003023	088497	NGUYỄN QUỐC HUY	25/07/2011	Nam	Nam Định	THCS Tô Hoàng	9G	20.50	
255	3669407943	089368	VŨ MINH TUẤN	09/08/2011	Nam	Nam Định	THCS Hai Bà Trưng	9A2	20.50	
256	0169451837	088179	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	15/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A3	20.33	
257	0117683188	067042	NGUYỄN TUẤN MINH	25/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Cổ Bi	9A1	20.25	
258	0117732761	063537	TRẦN THUY LINH	06/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Khương Mai	9A6	20.25	
259	0117737068	058438	ĐÀO GIA KHÁNH	30/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quang Trung	9A3	20.25	
260	0117753713	065748	HOÀNG ĐỨC TRÍ	02/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quang Trung	9G2	20.25	
261	0117761245	107041	PHẠM BÌNH MINH	13/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A1	20.25	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
262	0117776763	182194	NGUYỄN GIA BẢO	19/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tứ Liên	9C	20.25	
263	0117829457	108295	TRIỆU TIẾN ĐẠT	05/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thịnh Liệt	9A2	20.25	
264	0117866908	107289	LÊ PHƯỚC SANG	19/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A4	20.25	
265	0117874265	094235	VŨ HUY TÙNG	24/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A1	20.25	
266	0117879085	060435	NGUYỄN KHÁNH NAM	19/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A8	20.25	
267	0117879127	111029	ĐỖ BÍCH ANH	05/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A9	20.25	
268	0117967373	088126	NGUYỄN NGỌC DIỆP ANH	05/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.25	
269	0117968083	088064	HOÀNG VĂN ANH	03/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.25	
270	0117972026	088288	NGUYỄN MINH DIỆP	22/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A5	20.25	
271	0117979626	108412	NGUYỄN NGỌC TUẤN HIỆP	12/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A9	20.25	
272	0117980048	106349	BÙI TRƯỜNG GIANG	26/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A3	20.25	
273	0117986139	092025	TÔNG KHÁNH AN	01/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A2	20.25	
274	0117987276	088055	ĐỖ HOÀNG ANH	25/08/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Văn Hồ	9A1	20.25	
275	0118001986	058429	TRỊNH MINH KHANG	15/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tây Sơn	9A3	20.25	
276	0118025812	106076	NGUYỄN HÀ ANH	31/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A3	20.25	
277	0118047777	107161	NGUYỄN MINH NHẬT	08/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9E	20.25	
278	0118050003	106436	TRƯƠNG MINH HIẾU	01/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.25	
279	0118050068	109418	LÝ BẢO TRÂM	02/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A10	20.25	
280	0118050914	088028	TRẦN ANH AN	08/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9C	20.25	
281	0118061811	058517	LÊ GIA LINH	13/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9V1	20.25	
282	0118074865	209449	VŨ THỊ THANH TRÚC	21/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A10	20.25	
283	0118132810	058270	VŨ ĐẠI DƯƠNG	08/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Huy Văn	9D	20.25	
284	0118175717	001570	NGUYỄN NGỌC TUỆ LÂM	12/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàn Kiếm	9B	20.25	
285	0118235283	058479	ĐỖ ĐỨC KIÊN	13/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Khương Thượng	9A3	20.25	
286	0118434231	108255	ĐÀO PHƯƠNG DŨNG	28/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A1	20.25	
287	0118434615	088108	NGUYỄN HUY ANH	21/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A6	20.25	
288	0118437324	092306	ĐỖ ĐĂNG DƯƠNG	03/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A2	20.25	
289	0118472333	065734	TRẦN HÀ TRANG	04/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Công Trứ	9A6	20.25	
290	0118479774	088671	VŨ NGUYỄN NGỌC LINH	25/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9E	20.25	
291	0118479818	088145	NGUYỄN TÙNG ANH	19/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9D	20.25	
292	0118519368	029477	VŨ TRÀ MỸ	13/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nam Trung Yên	9A7	20.25	
293	0118520464	134440	BÙI NGUYỄN DUY TÙNG	04/05/2011	Nam	Thái Nguyên	THCS Nam Trung Yên	9A6	20.25	
294	0129760930	005410	NGUYỄN KHÁNH LINH	25/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A7	20.25	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
295	0130358199	209354	LÊ QUỐC THÀNH	20/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Kim Giang	9A2	20.25	
296	0131565127	065638	LÊ LAN PHƯƠNG	22/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ba Đình	9A7	20.25	
297	0132244219	182015	NGUYỄN ĐỨC AN	27/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tứ Liên	9C	20.25	
298	0132584428	088295	DƯƠNG HUỖN DIỆU	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9C	20.25	
299	0133070607	092280	NGUYỄN NGỌC DIỆU	15/06/2011	Nữ	Phú Thọ	THCS Trung Nhị	9A1 Anh	20.25	
300	0133313670	058491	NGUYỄN MAI LAN	17/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Công Trứ	9A6	20.25	
301	0133434113	018121	NGUYỄN GIA BẢO	18/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quảng An	9D	20.25	
302	0133489129	109018	VŨ NGỌC THỰC LINH	22/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A1	20.25	
303	0169052894	092073	NGUYỄN BẢO ANH	20/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A2	20.25	
304	0169097433	209436	PHẠM MINH TRÍ	11/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Việt Nam - Angiêri	9A10	20.25	
305	0169112271	108572	NGUYỄN KHÁNH LINH	02/08/2011	Nữ	Hải Dương	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	20.25	
306	0169113865	113240	NGUYỄN TRỌNG SƠN	04/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Am	9A4	20.25	
307	0169132560	106606	HỒ NHẢ KỶ	17/08/2011	Nữ	Nước ngoài	THCS Vĩnh Hưng	9A6	20.25	
308	0169170509	094143	ĐÀO ANH THƯ	10/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9A	20.25	
309	0169173036	076314	NGUYỄN THUẬN HÒA	29/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Phụng	9B	20.25	
310	0169232441	109464	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	09/07/2011	Nam	Quảng Nam	THCS Định Công	9B	20.25	
311	0169233454	208447	PHẠM GIA KHANG	02/01/2011	Nam	Hà Nội	TH, THCS và THPT Ngôi sao Hà Nội - Hoàng Mai	9A02	20.25	
312	0169242718	088226	NGÔ QUANG BẮC	03/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A11	20.25	
313	0169245138	105622	NGUYỄN THẢO NHI	20/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A1	20.25	
314	0169519970	182665	NGUYỄN ĐẮC TRẦN LÂM	30/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A3	20.25	
315	0169766386	079323	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	17/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Nghĩa	9A6	20.25	
316	2617882942	107136	PHẠM LINH NGỌC	24/07/2011	Nữ	Quảng Ninh	THCS Lĩnh Nam	9A4	20.25	
317	3331193306	106542	LÊ VĨNH KHANG	08/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đền Lừ	9A	20.25	
318	3417883784	106432	PHẠM NGỌC MINH HIỆU	05/06/2011	Nam	Thái Bình	THCS Lĩnh Nam	9A1	20.25	
319	3540809043	207204	THÁI NAM PHƯƠNG	07/06/2011	Nữ	Hà Nam	THCS Thanh Xuân Nam	9A5	20.25	
320	3631192961	109351	NGUYỄN MINH THIÊN	15/12/2011	Nam	Nam Định	THCS Yên Sở	9A6	20.25	
321	3640808720	109313	TRẦN MINH SANG	11/03/2011	Nam	Nam Định	THCS Giáp Bát	9A4	20.25	
322	3670601397	109314	VŨ THỊ ANH SAO	06/01/2011	Nữ	Ninh Bình	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A2	20.25	
323	3717861053	111044	MAI PHƯƠNG ANH	06/02/2011	Nữ	Ninh Bình	THCS Yên Sở	9A5	20.25	
324	3817883416	107370	NGUYỄN HÀ MINH THƯ	12/02/2011	Nữ	Thanh Hóa	THCS Lĩnh Nam	9A11	20.25	
325	3869031851	106164	NGUYỄN GIA BẢO	01/09/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Mai Động	9A2	20.25	
326	3869112589	109335	TRIỆU QUANG THÀNH	14/06/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Mai Động	9A8	20.25	
327	4869960645	064317	LÊ BẢO VY	14/06/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Khương Mai	9A4	20.25	

4/4

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
328	0117049260	092311	LÊ MINH DƯƠNG	15/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A1	20.00	
329	0117736144	065709	NGUYỄN ANH THƯ	02/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Khương Thượng	9A4	20.00	
330	0117779050	107108	NGUYỄN GIA NGHĨA	18/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A2	20.00	
331	0117780708	093134	THẠCH KHÁNH LINH	06/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9B	20.00	
332	0117781751	109072	NGUYỄN ĐỨC LÊ MINH	29/06/2011	Nam	Bắc Giang	THCS Phương Liệt	9A1	20.00	
333	0117784122	206671	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	17/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Xuân Nam	9A3	20.00	
334	0117784553	208371	AN GIA HUY	09/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A1	20.00	
335	0117785236	004135	NGUYỄN NHẬT MINH	14/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thăng Long	9A7	20.00	
336	0117830085	106417	VŨ TRẦN BẢO HÂN	16/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A6	20.00	
337	0117830626	088627	DƯƠNG THẢO LINH	13/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	20.00	
338	0117835082	106052	HOÀNG DIỆP ANH	02/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A1	20.00	
339	0117883327	107535	NGUYỄN KHÁNH XUÂN	07/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A6	20.00	
340	0117973661	058458	TRẦN VĂN KHÁNH	05/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Láng Thượng	9A5	20.00	
341	0117986900	088032	VŨ DIỆU AN	07/09/2011	Nữ	Nam Định	THCS Ngô Quyền	9G	20.00	
342	0117999517	058240	NGUYỄN ĐỨC DUY	25/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tây Sơn	9A5	20.00	
343	0118023463	209313	NGUYỄN TIỀN QUÂN	25/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phan Đình Giót	9A11	20.00	
344	0118023667	058203	TRẦN NGỌC BẢO CHÁU	17/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Cát Linh	9A6	20.00	
345	0118043962	089460	TRỊNH HÀ VY	15/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Minh Khai	9A3	20.00	
346	0118047861	111278	LÊ HƯƠNG GIANG	17/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	20.00	
347	0118047914	110365	BÙI TRẦN HUY	04/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9A	20.00	
348	0118050961	089069	DƯƠNG BẢO NAM	15/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9H	20.00	
349	0118083486	135507	NGUYỄN TRUNG KIẾN	10/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phúc Diễn	9A4	20.00	
350	0118106561	076214	TRIỆU VĂN HIẾN	30/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Xuân Nam	9A5	20.00	
351	0118205903	134371	LẠI ĐỨC THỊNH	04/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mỗ Lao	9A5	20.00	
352	0118225015	107001	NGUYỄN NGỌC KHÁNH L.Y	29/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A9	20.00	
353	0118232508	074423	PHAN ANH	20/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A10	20.00	
354	0118235381	088265	NGUYỄN KHÁNH CHI	03/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tam Khương	9A2	20.00	
355	0118419932	108489	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	01/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Phong Sắc	9A2	20.00	
356	0118435641	088422	HOÀNG BẢO HÂN	14/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Chương Dương	9A3	20.00	
357	0118447603	206493	ĐOÀN THANH HƯƠNG	15/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Phụng	9A	20.00	
358	0118448321	059023	TRẦN BẢO NAM	09/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Khương Thượng	9A3	20.00	
359	0118454077	063218	VŨ TRỊNH THUY DƯƠNG	26/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9T2	20.00	
360	0118456559	088162	PHÙNG MINH ANH	17/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9I	20.00	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
361	0118494052	202105	LƯỠNG HOÀNG NGÂN	09/12/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Linh Đàm	9A8	20.00	
362	0128833796	106020	PHẠM BẢO AN	28/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trần Phú	9B	20.00	
363	0129049251	106086	NGUYỄN NGỌC ANH	18/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A7	20.00	
364	0134603543	093314	DƯƠNG MINH NGUYỄN	05/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9A	20.00	
365	0142251225	207403	NGUYỄN HUY TƯỜNG	10/12/2011	Nam	Hà Nội	TH và THCS Victoria Thăng Long	9V2	20.00	
366	0153688611	089350	PHẠM MINH TRÍ	06/06/2011	Nam	Bắc Ninh	THCS Văn Hồ	9A2	20.00	
367	0169031924	107241	VŨ NGỌC THẢO PHƯƠNG	23/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	20.00	
368	0169071924	111722	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	12/08/2011	Nữ	Nghệ An	TH và THCS Xanh Tuệ Đức	9A3	20.00	
369	0169076703	106615	NGUYỄN ĐỨC LÂM	16/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chương Dương	9A2	20.00	
370	0169242885	088665	TRẦN THẢO DIỆP LINH	08/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A4	20.00	
371	0169297516	061040	CAO DUY ANH	19/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Huy Văn	9N	20.00	
372	0169391229	001305	TRẦN BÀ ĐẠT	03/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A2	20.00	
373	0169460049	107422	PHẠM ĐỨC TRÍ	24/04/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A3	20.00	
374	0170218272	063569	VŨ TRIỆU PHƯƠNG MAI	25/10/2011	Nữ	Hồ Chí Minh	THCS Khương Thượng	9A9	20.00	
375	0170601410	060705	NGUYỄN TƯỜNG VY	22/01/2011	Nữ	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A2	20.00	
376	0170785107	104489	TRẦN BẢO NGỌC	16/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phúc Xá	9a2	20.00	
377	0176475707	177401	NGUYỄN VŨ MINH KHÁNH	18/07/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A3	20.00	
378	2428428953	088144	NGUYỄN TUẤN ANH	01/11/2011	Nam	Bắc Giang	THCS Mai Động	9A6	20.00	
379	2569078455	029267	HOÀNG MINH HUY	23/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Xuân	9A7	20.00	
380	3017062840	107192	LÊ MẠI KỶ PHONG	27/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A3	20.00	
381	3318469838	106331	NGUYỄN ANH ĐỨC	14/02/2011	Nam	Hưng Yên	THCS Vĩnh Hưng	9A9	20.00	
382	3331193004	107227	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	06/06/2011	Nữ	Hưng Yên	THCS Vĩnh Hưng	9A6	20.00	
383	3418070079	201365	TRẦN GIA HUY	05/07/2011	Nam	Thái Bình	THCS Văn Quán	9A4	20.00	
384	3817782514	089207	TRẦN MAI PHƯƠNG	22/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A6	20.00	
385	0117058540	118528	VŨ ANH KIẾT	13/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mạc Đình Chi	9A4	19.75	
386	0117174032	017068	VŨ NHẬT MINH	07/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phúc Diễn	9A8	19.75	
387	0117710663	208222	TRẦN LÊ BẢO DUY	26/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Hòa	9A2	19.75	
388	0117746119	089060	VŨ TUẤN MINH	20/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A2	19.75	
389	0117765640	107415	ĐẶNG BẢO TRẦN	20/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A3	19.75	
390	0117779487	088302	PHAN VŨ ĐỨC DUY	29/10/2011	Nam	Nghệ An	THCS Quỳnh Mai	9E	19.75	
391	0117781118	058590	LÊ NHẬT MINH	11/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Liệt	9A5	19.75	
392	0117781869	108409	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	11/11/2011	Nữ	Nam Định	THCS Phương Liệt	9A1	19.75	
393	0117781922	210556	PHẠM NGỌC MINH TÂN	30/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Liệt	9A6	19.75	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
394	0117784848	089423	VŨ QUANG VINH	11/08/2010	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9A	19.75	
395	0117785937	106230	NGHIÊM TUẤN CUÔNG	28/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trần Phú	9E	19.75	
396	0117791901	001575	TRẦN XUÂN LÂM	01/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A2	19.75	
397	0117834859	107038	NGUYỄN VŨ NHẬT MINH	01/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A7	19.75	
398	0117835169	107180	VŨ PHƯƠNG NHI	23/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A6	19.75	
399	0117835480	109034	CAO NGỌC KHÁNH LY	20/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A8	19.75	
400	0117862752	207428	NGUYỄN TƯỜNG VI	24/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Xuân Nam	9A3	19.75	
401	0117867633	107304	PHẠM HOÀNG SƠN	22/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A1	19.75	
402	0117876481	089129	NGUYỄN MINH NGUYỆT	19/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đền Lũ	9C	19.75	
403	0117883116	106518	CHUNG VIỆT HƯNG	19/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A4	19.75	
404	0117968133	119395	TRẦN HẢI YẾN	19/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	19.75	
405	0117979736	108372	TRẦN VŨ HOÀNG HẢI	05/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A12	19.75	
406	0117986591	089272	TRẦN PHƯƠNG THẢO	30/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9B	19.75	
407	0118000965	089190	HOÀNG AN PHƯƠNG	17/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS&THPT Marie Curie	9I4	19.75	
408	0118001048	106106	NGUYỄN TUẤN ANH	03/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	19.75	
409	0118001928	107243	VŨ THU PHƯƠNG	16/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A5	19.75	
410	0118025622	088663	TRẦN KHÁNH LINH	26/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS HÀ HUY TẬP	9A1	19.75	
411	0118031576	088469	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	14/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A7	19.75	
412	0118050971	106037	ĐÀO MINH ANH	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	19.75	
413	0118051087	088175	VŨ PHƯƠNG ANH	26/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9D	19.75	
414	0118080216	064006	LƯƠNG THANH NAM	13/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thịnh Quang	9A1	19.75	
415	0118139344	019225	ĐÀO ĐÌNH THÔNG	17/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Xuân Đình	9A8	19.75	
416	0118235454	111133	PHẠM GIA BẢO	09/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Phụng	9A	19.75	
417	0118247286	089236	NGUYỄN BẢO QUYỀN	24/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Vương	9A3	19.75	
418	0118429072	065438	LÊ PHƯƠNG LINH	26/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ba Đình	9A2	19.75	
419	0118450305	104810	NGUYỄN NGUYỄN VŨ	18/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A8	19.75	
420	0118453551	109425	NGUYỄN ĐỨC MINH TRÍ	23/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9K	19.75	
421	0118476057	058615	TRƯƠNG TUẤN MINH	05/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A3	19.75	
422	0118519280	063193	LÊ TRỌNG TÂN DŨNG	11/09/2011	Nam	Hải Dương	THCS Nhân Chính	9A4	19.75	
423	0127877223	108074	LƯƠNG THẾ PHAN ANH	21/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đền Lũ	9B	19.75	
424	0128269033	106446	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	08/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A3	19.75	
425	0130358502	208519	HOÀNG THIÊN LÂM	08/06/2011	Nam	Hưng Yên	THCS Đại Kim	9A7	19.75	
426	0131595298	208362	NGUYỄN MINH HOÀNG	07/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Xuân Nam	9A2	19.75	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
427	0132379246	117087	ĐỖ MỸ NGỌC	19/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Sài Đồng	9A7	19.75	
428	0133295880	118401	BÙI VŨ AN HUY	30/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS An Dương	9A1	19.75	
429	0133850508	067425	CHU HAI VÂN	09/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phúc Lợi	9A1	19.75	
430	0142449943	092357	NGUYỄN MINH ĐỨC	17/08/2011	Nam	Hưng Yên	THCS Lê Lợi	9A1	19.75	
431	0148629101	113309	PHẠM KHÁNH THY	05/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thượng Thanh	9A2	19.75	
432	0169052917	106395	VŨ TRUNG HẢI	05/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A6	19.75	
433	0169097450	111868	NGUYỄN TỰ PHÚ VINH	30/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Việt Nam - Angiêri	9A9	19.75	
434	0169118470	118319	NGUYỄN MINH ĐỨC	08/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Bồ Đề	9A2	19.75	
435	0169178156	069498	TRỊNH MINH TÙNG	02/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đặng Xá	9A2	19.75	
436	0169242868	063479	CAO KHÁNH LINH	19/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đống Đa	9A10	19.75	
437	0169634605	112205	TRẦN PHẠM THỊ MINH CHÁU	23/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9B	19.75	
438	0170231699	108439	TRẦN NGUYỄN NHẬT HUY	11/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A4	19.75	
439	0170290323	088246	NGUYỄN MINH CHÁU	16/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đoàn Kết	9A2	19.75	
440	0170321148	063158	PHẠM KHÁNH CHI	15/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A1	19.75	
441	0170547262	001393	PHẠM BẢO HÂN	24/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Lợi	9A4	19.75	
442	1917866440	106188	ĐỖ CAO	06/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A7	19.75	
443	2518220369	118361	NGÔ THANH HÀNG	12/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thạch Bàn	9B	19.75	
444	2717869767	106702	NGÔ THẮNG LONG	16/09/2010	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A7	19.75	
445	3317760849	106215	PHẠM LINH CHI	07/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	19.75	
446	3418048031	094003	NGUYỄN NAM PHONG	05/01/2011	Nam	Thái Bình	THCS Lê Ngọc Hân	9A8	19.75	
447	3418438694	001264	LẠI HOÀNG ANH DUY	13/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lê Quý Đôn	9A11	19.75	
448	3534221822	106070	NGUYỄN ĐẮC ĐẠT ANH	27/10/2011	Nam	Hà Nam	THCS Ngô Quyền	9C	19.75	
449	3617866016	107288	ĐOÀN MINH SANG	21/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A3	19.75	
450	7927900547	209168	ĐẶNG HỒNG NGỌC	05/10/2011	Nữ	Nước ngoài	THCS Đống Đa	9A14	19.75	
451	0117049129	106416	VŨ GIA HÂN	08/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Du	9Q	19.50	
452	0117049264	002342	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	30/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A4	19.50	
453	0117691479	072471	LÊ NGUYỄN KHÁNH HUỖN	24/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phù Đồng	9A4	19.50	
454	0117735454	058411	NGUYỄN DƯƠNG HÙNG	29/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Bé Văn Đàn	9T2	19.50	
455	0117760628	092151	TRẦN MINH ANH	24/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Quan	9A2	19.50	
456	0117760697	018344	TRẦN THÁI HÒA	26/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Xuân La	9A6	19.50	
457	0117761084	106175	TRỊNH GIA BẢO	27/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	19.50	
458	0117762208	106368	LÊ HOÀNG HÀ	25/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A3	19.50	
459	0117762543	107543	NGUYỄN HAI YẾN	14/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A8	19.50	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
460	0117762596	107007	LÊ NGỌC MAI	02/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A3	19.50	
461	0117764303	088392	LÊ THU HÀ	20/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A4	19.50	
462	0117765123	109360	ĐẶNG MINH THU	27/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A4	19.50	
463	0117773363	058266	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	19/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A7	19.50	
464	0117779483	088076	LÊ QUỲNH ANH	03/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9C	19.50	
465	0117782660	210651	TRẦN MẠNH TÙNG	12/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Liệt	9A1	19.50	
466	0117789164	119175	NGUYỄN MINH QUÂN	26/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Chu Văn An	9A10	19.50	
467	0117789614	065680	NGUYỄN HÀ THANH	01/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mạc Đĩnh Chi	9A4	19.50	
468	0117800435	106295	ĐỖ TIẾN ĐẠT	17/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trần Phú	9D	19.50	
469	0117802850	106307	TRẦN BÁ THÀNH ĐẠT	07/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9A	19.50	
470	0117803395	109191	ĐẶNG BÙI THẢO NGUYỄN	08/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	19.50	
471	0117806267	088571	NGUYỄN NHẢ KHÁNH	11/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9M	19.50	
472	0117834566	107303	NGUYỄN VĂN SƠN	25/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A4	19.50	
473	0117841992	209491	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	11/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thái Thịnh	9A3	19.50	
474	0117861957	108525	LÊ THIÊN KỶ	19/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thịnh Liệt	9A1	19.50	
475	0117864550	107411	LÊ BẢO TRÂM	20/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A10	19.50	
476	0117865338	106490	NGUYỄN NHẬT HUY	20/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A6	19.50	
477	0117867289	107219	TRƯƠNG HOÀNG PHÚC	22/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A5	19.50	
478	0117882700	108261	TRẦN TRÍ DŨNG	12/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A4	19.50	
479	0117967407	092409	DƯƠNG NGỌC BẢO HÂN	20/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lê Ngọc Hân	9A3	19.50	
480	0117968145	109481	NGÔ QUANG VINH	21/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Quỳnh Mai	9B	19.50	
481	0117968172	107427	NGUYỄN KHẮC TRUNG	05/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A4	19.50	
482	0117968204	108221	PHẠM KHÁNH CHÍ	06/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A5	19.50	
483	0117968227	106562	NGUYỄN HỮU KHÁNH	11/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	19.50	
484	0117971972	092103	NGUYỄN NAM ANH	18/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tây Sơn	9A5	19.50	
485	0117986929	094031	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	26/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9B	19.50	
486	0117987151	088409	TRẦN HOÀNG HẢI	31/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Long Biên	9A1	19.50	
487	0118003256	107014	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	06/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A5	19.50	
488	0118050056	092217	TỔNG THANH BÌNH	22/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9B	19.50	
489	0118050945	088480	ĐÀO MINH HUY	07/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9D	19.50	
490	0118061318	059203	NGUYỄN THANH THẢO	20/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A1	19.50	
491	0118076293	209215	NGUYỄN ĐĂNG THỰC NHI	30/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A8	19.50	
492	0118081481	088462	NGUYỄN THẾ HIỂN	02/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A1	19.50	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
493	0118096576	107480	NGUYỄN LÊ TỔ UYÊN	30/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9Q	19.50	
494	0118111053	109183	TRẦN HỒNG NGỌC	12/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A6	19.50	
495	0118128175	058547	PHẠM PHƯƠNG LINH	30/12/2010	Nữ	Hà Nội	THCS Đoàn Kết	9A2	19.50	
496	0118185100	206351	PHẠM TRẦN HOÀNG GIANG	24/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Lân	9A3	19.50	
497	0118200716	088174	VŨ NGỌC ANH	01/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Phương Mai	9A8	19.50	
498	0118208358	133262	TRẦN MẠNH ĐỨC	11/08/2011	Nam	Hà Nội	TH và THCS Victoria Thăng Long	9V3	19.50	
499	0118419975	081041	LÊ NGUYỄN TÂM ANH	07/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A12	19.50	
500	0118434393	107272	VŨ MINH QUÂN	06/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A1	19.50	
501	0118434504	089115	TRẦN BẢO NGỌC	15/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A2	19.50	
502	0118437881	118328	LƯU HƯỜNG GIANG	25/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A5	19.50	
503	0118450226	065616	NGUYỄN GIA PHONG	26/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tô Vĩnh Diện	9A1	19.50	
504	0118453529	112647	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	10/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lý Thường Kiệt	9A6	19.50	
505	0118453932	176101	NGUYỄN NGỌC DIỆP	18/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trường Tộ	9A9	19.50	
506	0118454209	065146	TRẦN GIA BẢO	13/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nam Trung Yên	9A2	19.50	
507	0118472806	065334	NGUYỄN ANH HUY	14/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mạc Đĩnh Chi	9A2	19.50	
508	0118486432	119195	NGUYỄN HỒNG SÂM	10/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mai Động	9A8	19.50	
509	0127414756	089438	HOÀNG LÊ HÀ VY	21/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đền Lũ	9C	19.50	
510	0131193011	107367	DƯƠNG ANH THƯ	12/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A6	19.50	
511	0131193152	106609	DƯƠNG NGỌC LAN	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A8	19.50	
512	0133070741	108388	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	03/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A4	19.50	
513	0133415654	068591	MAI TÙNG LÂM	13/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Dương Xá	9A2	19.50	
514	0140808915	208317	NGUYỄN HOÀNG HẢI	13/01/2011	Nam	Hà Nội	THCS Định Công	9C	19.50	
515	0149241550	090534	DƯƠNG NGỌC MINH KHUÊ	16/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Vương	9A3	19.50	
516	0169054007	110995	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN	05/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Linh Đàm	9A8	19.50	
517	0169112288	109180	PHAN MINH NGỌC	16/02/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	19.50	
518	0169112331	109510	VŨ ĐIỀN TRÚC VY	05/06/2011	Nữ	Gia Lai	THCS Đền Lũ	9A	19.50	
519	0169191044	089159	NGUYỄN KHANG NINH	12/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Văn Hồ	9A5	19.50	
520	0169232000	133411	LÊ THANH TRANG KHÁNH	03/09/2011	Nữ	Hà Nội	Phổ thông Quốc tế Việt Nam	9A3	19.50	
521	0169232843	107052	TRẦN TUẤN MINH	15/05/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A6	19.50	
522	0169634462	103061	ĐÀO CHÂU ANH	23/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đồng Đa	9A5	19.50	
523	0170601295	110004	MAI MINH GIA AN	11/08/2011	Nam	Hà Nội	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	9A3	19.50	
524	0269441604	106189	NGUYỄN BẢO CHÂM	28/07/2011	Nữ	Tuyên Quang	THCS Thanh Trì	9A1	19.50	
525	1517895411	206135	HÀ NGỌC ANH	06/11/2011	Nữ	Yên Bái	THCS Nguyễn Du	9N	19.50	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
526	2417799298	106465	NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	10/03/2011	Nữ	Bắc Giang	THCS Trần Phú	9C	19.50	
527	2517760541	111791	BÙI ANH THƯ	27/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A6	19.50	
528	3118447687	112112	PHẠM TUẤN ANH	25/02/2011	Nam	Hải Phòng	THCS Gia Quất	9A1	19.50	
529	3317787199	065672	NGUYỄN CAO SƠN	01/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mạc Đình Chi	9A2	19.50	
530	3469112196	108048	ĐỖ DIỆP ANH	01/06/2011	Nữ	Thái Bình	THCS Hoàng Văn Thụ	9C	19.50	
531	3517883725	106579	TRẦN ĐÌNH KHOA	13/10/2011	Nam	Hà Nam	THCS Lĩnh Nam	9A9	19.50	
532	3618492597	206112	TRẦN HỒ HOÀNG ANH	19/06/2011	Nam	Nam Định	THCS Kim Giang	9A9	19.50	
533	3817883576	106576	PHAN HOÀNG DUY KHOA	21/08/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Lĩnh Nam	9A6	19.50	
534	4008430861	111375	NGUYỄN CHU GIA HUY	11/06/2011	Nam	Nghệ An	THCS Yên Sở	9A7	19.50	
535	0117058399	058443	HOÀNG NAM KHÁNH	28/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Mạc Đình Chi	9A4	19.25	
536	0117679892	106481	NGUYỄN ĐĂNG HUY	22/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A6	19.25	
537	0117683474	067109	TRẦN ĐẠI NGHĨA	26/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Cổ Bi	9A1	19.25	
538	0117737172	106280	ĐỖ ANH DƯƠNG	01/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A4	19.25	
539	0117743257	069378	NGUYỄN ANH THƯ	24/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Kim Sơn	9A5	19.25	
540	0117746027	065425	LÊ BÁ LÂN	12/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Giảng Võ	9A11	19.25	
541	0117760743	111422	TRẦN TUẤN HÙNG	21/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A6	19.25	
542	0117765348	088027	TRANG THỊ THU AN	08/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9G	19.25	
543	0117772116	109160	VŨ HỮU MINH NGHĨA	06/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A6	19.25	
544	0117772195	111417	LÊ SĨ TẤN HÙNG	08/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A8	19.25	
545	0117772292	107237	TRẦN MAI TRÚC PHƯƠNG	12/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Mai	9A4	19.25	
546	0117782724	075082	LÊ NGỌC MINH CHÂU	13/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tân Định	9C	19.25	
547	0117791356	108530	VŨ HOÀNG LÂN	06/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trần Phú	9A	19.25	
548	0117791612	183573	LÊ MINH CHÂU	10/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Tri Phương	9A5	19.25	
549	0117793989	029391	LƯƠNG NGUYỄN LINH	02/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Phan Chu Trinh	9A8	19.25	
550	0117799520	093056	VỊ LÊ TUẤN KIẾT	11/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Trần Phú	9A	19.25	
551	0117802925	109252	VŨ NAM PHONG	30/12/2011	Nam	Hưng Yên	THCS Tân Định	9K	19.25	
552	0117829875	106017	NGUYỄN TRƯỜNG AN	20/09/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Thanh Trì	9A1	19.25	
553	0117830029	106117	PHẠM NGỌC ANH	24/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A8	19.25	
554	0117830040	106219	TRẦN ĐĂNG DIỆP CHI	27/04/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	19.25	
555	0117845221	107371	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A6	19.25	
556	0117882451	106486	NGUYỄN GIA HUY	23/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A6	19.25	
557	0117883191	107006	ĐỖ PHƯƠNG MAI	23/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Lĩnh Nam	9A3	19.25	
558	0117894109	075075	HÀ HẢI CHÂU	01/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Việt Nam - Angiêri	9A6	19.25	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
559	0117930116	111282	NGUYỄN THỊ HUƠNG GIANG	30/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Khương Mai	9A6	19.25	
560	0117969051	109286	PHẠM MINH PHƯƠNG	20/09/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9E	19.25	
561	0117972126	092303	NGUYỄN TUẤN DŨNG	13/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Lương Yên	9A6	19.25	
562	0117986034	088503	TRẦN GIA HUY	13/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Quyền	9A	19.25	
563	0118001105	063434	VŨ NGỌC DUY KHÁNH	06/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Bế Văn Đàn	9V2	19.25	
564	0118003898	210582	NGUYỄN HUƠNG THUY	21/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS HÀ HUY TẬP	9A5	19.25	
565	0118052615	181562	DƯƠNG MINH ANH	20/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Vĩnh Tuy	9H	19.25	
566	0118074700	208095	THÁI PHẠM GIA ANH	20/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Nguyễn Trãi	9A6	19.25	
567	0118110992	088082	LƯU VŨ QUỲNH ANH	07/01/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hai Bà Trưng	9A3	19.25	
568	0118133016	058060	LÊ TRẦN HAI ANH	01/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Huy Văn	9C	19.25	
569	0118141156	065069	NGUYỄN HÀ ANH	28/03/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Ngô Sĩ Liên	9A11	19.25	
570	0118186756	210185	BÙI HAI GIANG	04/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Khương Đình	9A1	19.25	
571	0118427186	107496	HÀ ĐỨC VIỆT	25/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Thanh Trì	9A3	19.25	
572	0118436036	108368	TỔNG MINH HẢI	12/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Chương Dương	9A1	19.25	
573	0118450214	065812	NGUYỄN PHƯƠNG VY	24/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Tô Vĩnh Diện	9A2	19.25	
574	0118464010	089377	NGUYỄN ANH TÚ	09/06/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngô Gia Tự	9A7	19.25	
575	0118470499	111009	NGUYỄN KHÁNH AN	20/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mỗ Lao	9A3	19.25	
576	0118472626	118666	TRƯƠNG QUANG MINH	19/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Nguyễn Công Trứ	9A1	19.25	
577	0118472735	111476	ĐỖ BẢO TÙNG LÂM	25/03/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A4	19.25	
578	0118472856	109486	CAO PHONG VŨ	18/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A6	19.25	
579	0118472952	106627	CAO LÊ HÀ LINH	27/12/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A4	19.25	
580	0118473105	107362	VŨ HÀ THU	23/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A2	19.25	
581	0118492276	111236	ĐỖ TIẾN ĐẠT	07/02/2011	Nam	Ninh Bình	THCS Linh Đàm	9A11	19.25	
582	0118492709	202264	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG SON	23/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Linh Đàm	9A8	19.25	
583	0118496545	108567	NGUYỄN HÀ LINH	03/07/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Trung Nhị	9A1 Anh	19.25	
584	0127877230	107082	NGUYỄN HOÀI NAM	22/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Đền Lũ	9E	19.25	
585	0128210343	111089	PHẠM VŨ TRÂM ANH	01/06/2011	Nữ	Hải Phòng	THCS Lĩnh Nam	9A4	19.25	
586	0129395306	109376	NGUYỄN ANH THU	31/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A8	19.25	
587	0132379291	117292	ĐINH MINH ANH THU	09/08/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Sài Đồng	9A7	19.25	
588	0133302074	111771	LÊ PHƯƠNG THẢO	19/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS An Dương	9A1	19.25	
589	0133483637	111841	PHẠM MINH TUẤN	24/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Tô Hoàng	9I	19.25	
590	0133489110	108550	ĐỖ KHÁNH LINH	14/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Mai Động	9A7	19.25	
591	0134550228	106329	NGUYỄN ANH ĐỨC	18/05/2011	Nam	Hà Nam	THCS Thanh Trì	9A3	19.25	

TT	Mã học sinh	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trường THCS	Lớp	Điểm Xét tuyển	Ghi chú
592	0140809203	206001	BÙI GIA AN	24/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Định Công	9E	19.25	
593	0140809245	208533	DƯƠNG KHÁNH LINH	30/04/2010	Nữ	Hà Nội	THCS Định Công	9C	19.25	
594	0169016806	065127	NGUYỄN GIA BẠCH	03/11/2011	Nam	Hà Nội	THCS Bế Văn Đàn	9A1	19.25	
595	0169053907	201013	PHẠM BẢO AN	28/10/2011	Nam	Hà Nội	THCS Linh Đàm	9A6	19.25	
596	0169073384	112020	PHẠM BẢO AN	03/09/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngọc Lâm	9A5	19.25	
597	0169111972	112187	NGUYỄN NGỌC AN BÌNH	13/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngọc Thụy	9A1	19.25	
598	0169112195	106040	ĐẶNG MINH ANH	19/10/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	19.25	
599	0169112252	088459	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	04/06/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9B	19.25	
600	0169112297	111710	ĐỖ HOÀNG PHÚC	11/02/2011	Nam	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	19.25	
601	0169112317	209411	BÙI HUỲNH TRANG	05/05/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Hoàng Văn Thụ	9D	19.25	
602	0169132701	106225	NGUYỄN THẾ CHUYỀN	10/07/2011	Nam	Hà Nội	THCS Vĩnh Hưng	9A9	19.25	
603	0170074471	001320	ĐẶNG ANH ĐỨC	19/04/2011	Nam	Hà Nội	THCS Cát Linh	9A4	19.25	
604	0170290310	088096	NGUYỄN DIỆP ANH	10/11/2011	Nữ	Hà Nội	THCS Đoàn Kết	9A3	19.25	
605	0170614968	094138	NGUYỄN VŨ XUÂN THUY	10/03/2011	Nam	Hà Nội	Tiểu học và THCS FPT Cầu Giấy	9A8	19.25	
606	2228637074	088016	NGUYỄN ĐĂNG AN	07/12/2011	Nam	Hà Nội	THCS Yên Sở	9A6	19.25	
607	3417896866	106344	TRẦN ANH ĐỨC	08/07/2011	Nam	Hưng Yên	THCS Lĩnh Nam	9A3	19.25	
608	3618132989	089202	NGUYỄN THU PHƯƠNG	13/11/2011	Nữ	Hải Dương	THCS Lương Yên	9A1	19.25	
609	3717762535	111856	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	22/02/2011	Nữ	Ninh Bình	THCS Lĩnh Nam	9A1	19.25	
610	3869437417	073021	TRỊNH THẠCH LONG	24/07/2011	Nam	Thanh Hóa	THCS Phù Đồng	9A4	19.25	
611	3871818070	200121	NGUYỄN QUANG SANG	29/08/2011	Nam	Hà Nội	THCS Ngũ Hiệp	9A2	19.25	
612	4018447763	065096	PHẠM HÀ ANH	20/05/2011	Nữ	Nghệ An	THCS Trung Phụng	9B	19.25	
613	4640809020	210511	NGUYỄN THANH HOÀNG PHÚC	11/03/2011	Nam	Thừa Thiên Huế	THCS Đại Kim	9A6	19.25	

Danh sách có 613 học sinh./.